

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HS-ST

Ngày 06-01-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông P. L. L.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông T. Đ. P.

2. Bà N. T. D.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà N. H. H. T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông L. Đ. A – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 48/2022/TLST-HS, ngày 14 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **N. C. T**, tên gọi khác: C; giới tính: Nam; sinh ngày: 26/12/2000 tại A, B; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện A, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông: không rõ và bà: N. T. K. T (chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2022 cho đến ngày 13/10/2022 thì được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện A, tỉnh B cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh V. Q. V – Sinh năm: 2006; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh B (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Chị N. T. L – Sinh năm: 1972; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh B (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị H. T. N. M – Sinh năm: 1968; nơi cư trú: Khu K, thị trấn N, huyện A, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h00' ngày 05/10/2022, V. Q. V (sinh ngày 30.5.2006) và N. Q. H đến nhà N. C. T ở thôn P, xã L, huyện A chơi và ngủ lại. Khi đến nhà T, V có mang theo 01 điện thoại di động hiệu Vivo V23e màu đen và đem ra sử dụng. Đến khoảng 05h30' sáng ngày 06/10/2022, H thức dậy và đi về trước. Khoảng 07h00' cùng ngày, T thức dậy thấy V vẫn còn ngủ, bên cạnh để chiếc điện thoại di động, T lén lút lấy chiếc điện thoại này rồi đem đến tiệm cầm đồ 2010 ở thị trấn N, huyện A do chị H. T. N. M làm chủ và cầm cố được số tiền 1.500.000^d, số tiền này T sử dụng tiêu xài cá nhân.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã thu giữ và xử lý trả lại cho người bị hại anh V. Q. V 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V23e, màu đen.

Hậu quả của vụ án: Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện A ngày 12/10/2022 thì: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V23e, màu đen tại thời điểm bị trộm cắp có giá là 6.000.000^d (sáu triệu đồng).

Về dân sự: Người bị hại anh V. Q. V sau khi nhận lại tài sản thì không có yêu cầu N. C. T bồi thường dân sự. N. C. T đã trả cho chị H. T. N. M số tiền 1.500.000^d (một triệu năm trăm nghìn đồng) và chị Mùi không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKSPC, ngày 12/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo N. C. T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo N. C. T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo N. C. T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo N. C. T với mức án 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

Trong phần tranh luận, bị cáo N. C. T không có tranh luận gì. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Là một thanh niên đã trưởng thành có đầy đủ sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân, tuy nhiên với bản tính chây lười, chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên khi thấy anh V. Q. V để chiếc điện thoại di động hiệu Vivo V23e trị giá 6.000.000^d bên cạnh khi đang ngủ tại nhà mình, N. C. T đã lén lút lấy chiếc điện thoại trên và đem đi cầm cố được 1.500.000^d để tiêu xài cá nhân vào khoảng 07h00' ngày 06/10/2022 tại nhà của N. C. T ở thôn P, xã L, huyện A, tỉnh B.

Hành vi của bị cáo N. C. T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo N. C. T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo N. C. T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm

2015, do đó cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo N. C. T phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này, không có phạm tội nào khác. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét bị cáo cũng tỏ ý ăn năn hối cải, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh bị cáo cũng khó khăn, cha không có, mẹ bị cáo mất sớm nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản cũng phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã thu giữ và xử lý trả lại cho người bị hại anh V. Q. V 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V23e, màu đen và người bị hại cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H. T. N. M sau khi nhận lại số tiền 1.500.000^d (một triệu năm trăm nghìn đồng) không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo N. C. T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo N. C. T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo N. C. T **04 (bốn) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 07/10/2022 cho đến ngày 13/10/2022.
3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.
4. Về án phí: Bị cáo N. C. T phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.
5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng người bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn là 15 ngày tính từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L